

BẢN TIN DỰ BÁO

DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG PHỤC VỤ CHỈ ĐẠO SẢN XUẤT VÀ ĐIỀU HÀNH CẤP NƯỚC CHO SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP - MÙA KIẾT NĂM 2019 (từ 24/5-31/5/2019)

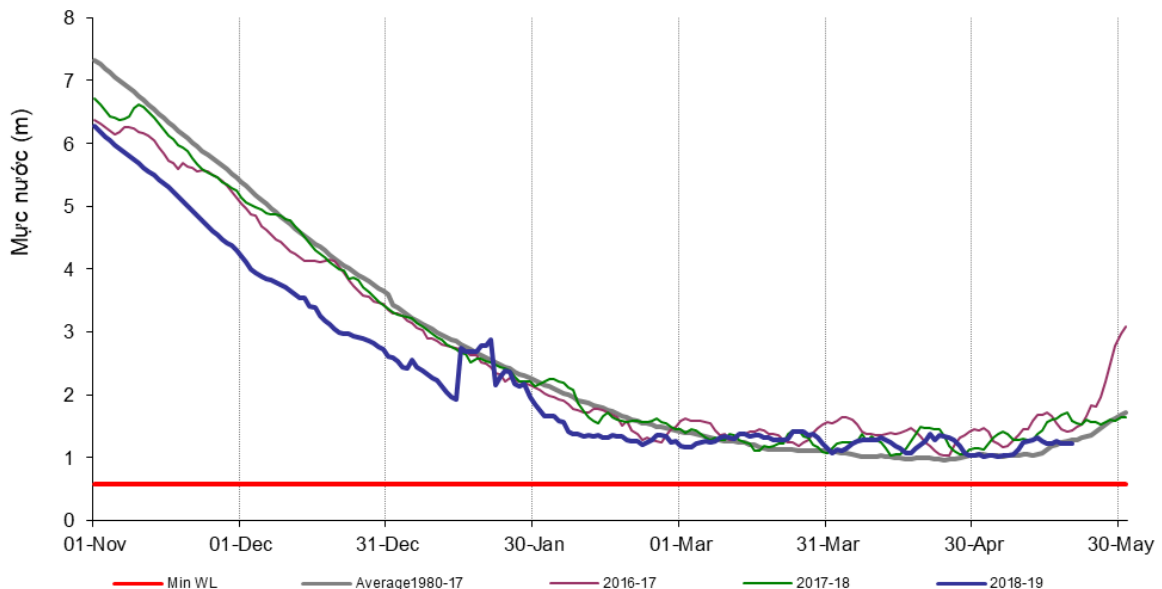
1. DIỄN BIẾN NGUỒN NƯỚC SÔNG MÊ CÔNG

Hiện nay, lưu vực sông Mê Công đang vào thời kỳ cuối mùa khô năm 2019. Hai yếu tố thượng lưu quan trọng đến nguồn nước, xâm nhập mặn ở ĐBSCL là lượng trữ trong Biển Hồ (Tonle Sap) và dòng chảy trên dòng chính sông Mê Công). Dưới đây là hiện trạng của hai yếu tố này cập nhật đến hiện tại.

1.1. Chế độ nước trong Biển Hồ (Tonle Sap)

Mức nước nhánh vào hồ Tonle Sap tại Prek Kdam (Hình 1), ngày 20/05 ở cao trình 1,22m; hiện nước chảy vào/ra theo dao động tương quan với mức nước sông Mê Công và mức nước hồ, có ảnh hưởng của các kỳ triều cường. Mức nước thấp hơn so với trung bình nhiều năm -0,06m. Dung tích hồ hiện hữu khoảng trên dưới 1,0 tỷ m³, lượng điều tiết hàng ngày từ hồ xuống hạ lưu ở thời điểm hiện tại được xem là không đáng kể.

Mức nước hồ Tonle Sap tại Prek Kdam



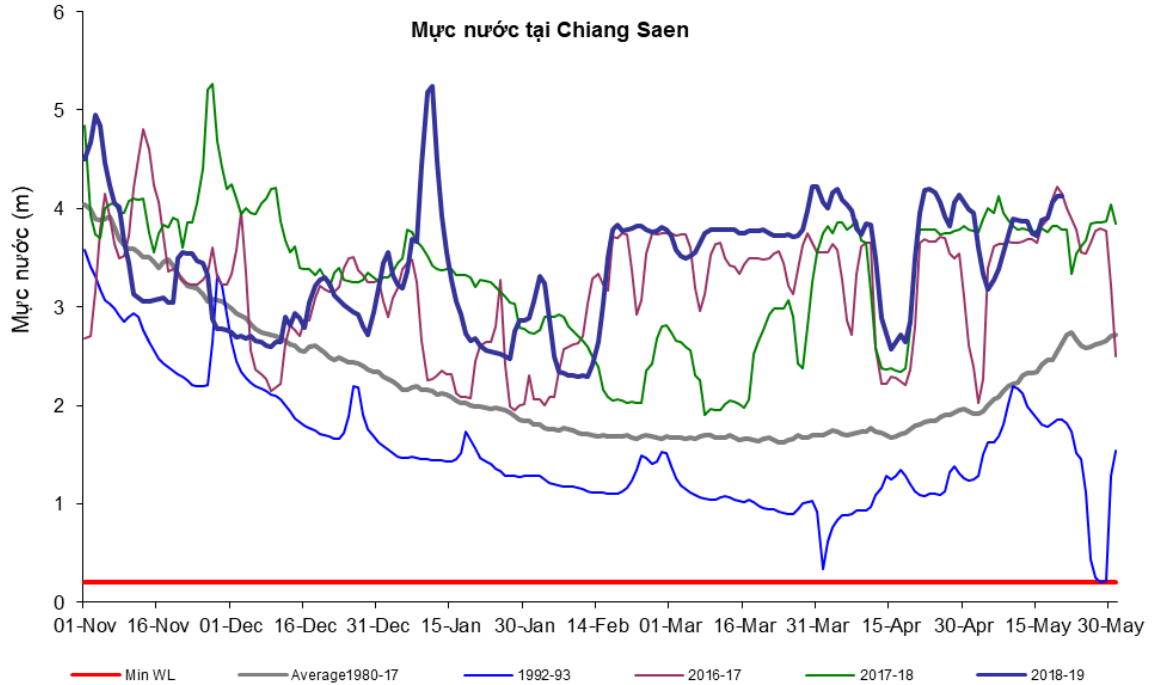
Hình 1. Diễn biến nước trạm Prek Kdam - Biển hồ, cập nhật ngày 20/05

1.2. Dòng chảy trên dòng chính sông Mê Công

Hình 2 và Hình 3 giới thiệu diễn biến mức nước đến ngày 20/05/2019 tại trạm Chiang Saen và trạm Kratie trên dòng chính sông Mê Công về đồng bằng. Từ biểu đồ cho thấy, từ giữa tháng 12/2018 các thủy điện Trung Quốc đã gia tăng phát điện góp

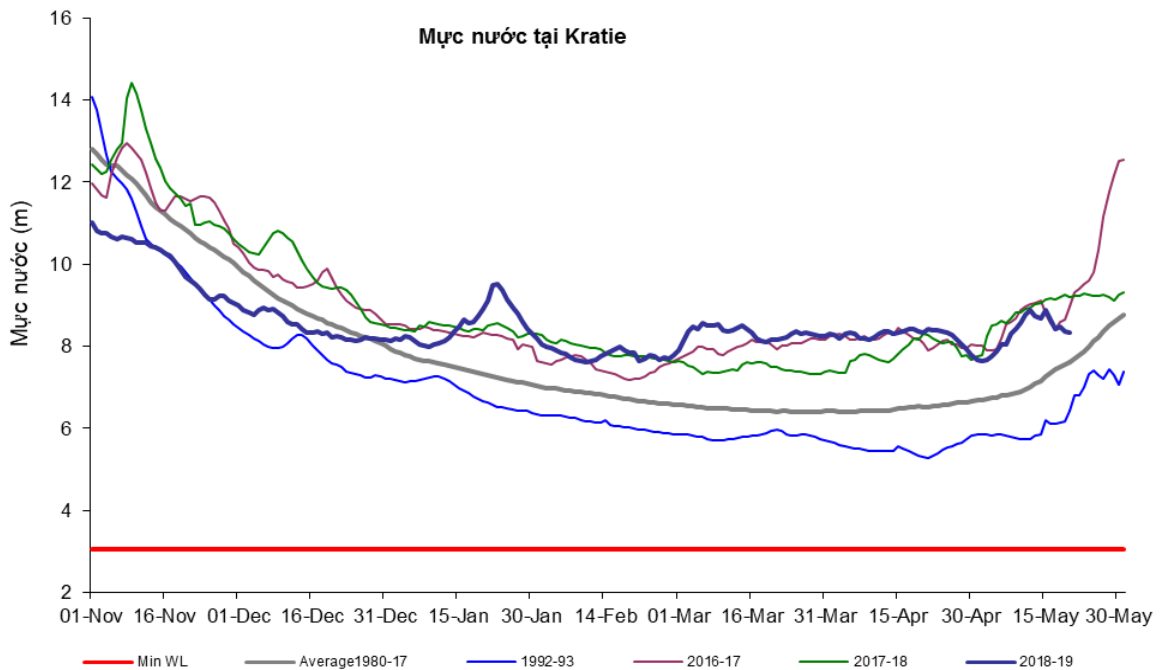
phần gia tăng dòng chảy điều tiết về đồng bằng:

- Mức nước tại trạm Chiang Sean (Giáp với Trung Quốc, cách Việt Nam khoảng 2.209km) hiện tại (ngày 20/05/2019) ở đã bình thường trở lại sau khi kết thúc đợt giảm xả như thông báo trước đó. Hiện mức nước cao hơn so với cùng kỳ năm 2018 là 0,34m và cao hơn trung bình nhiều năm 1,50m.



Hình 2. Diễn biến mực nước(cao độ tương đối) tại Chiang Saen, cập nhật 20/05

- Tại trạm Kratie (trạm gần đồng bằng), dòng chảy hiện tại (ngày 20/05/2019) về Đồng bằng so với cùng năm 2018 thấp hơn -0,88m và cao hơn khoảng 0,71m so với trung bình nhiều năm.



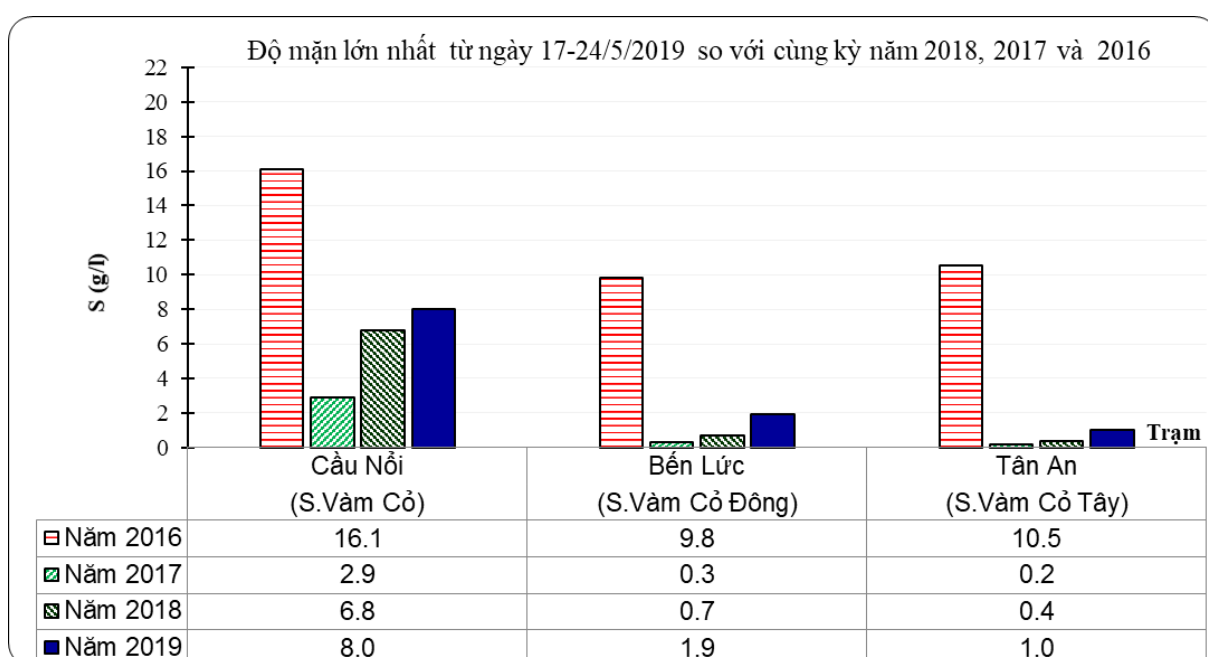
Hình 3. Diễn biến nước về qua trạm Kratie, cập nhật ngày 20/05

2. HIỆN TRẠNG MẶN XÂM NHẬP

2.1. Vùng hai sông Vàm Cỏ

Hiện trạng xâm nhập mặn vùng hai sông Vàm Cỏ trong tuần từ (17/5-24/5/2019), độ mặn xuất hiện lớn nhất so với cùng kỳ (CK) năm 2018 và một số năm gần đây (xem hình 4), trích lược một số trạm chính như dưới đây:

- Trên dòng chính sông Vàm Cỏ, tại trạm Cầu Nổi: độ mặn lớn nhất trong tuần đạt 8,0g/l so với cùng kỳ năm 2018 (6,8g/l) cao hơn 1,2g/l và thấp hơn 8,1g/l so với cùng thời kỳ năm 2016.
- Trên sông Vàm Cỏ Đông, tại trạm Bến Lức: độ mặn lớn nhất đạt 1,9g/l so với cùng kỳ năm 2018 (0,7g/l) cao hơn 1,2g/l và so với năm 2016 thấp hơn 9,8g/l.
- Trên sông Vàm Cỏ Tây, tại trạm Tân An: độ mặn lớn nhất đạt 1,0g/l so với cùng kỳ năm 2018 (0,4g/l) cao hơn 0,6g/l và so với năm 2016 thấp hơn 10,5g/l.



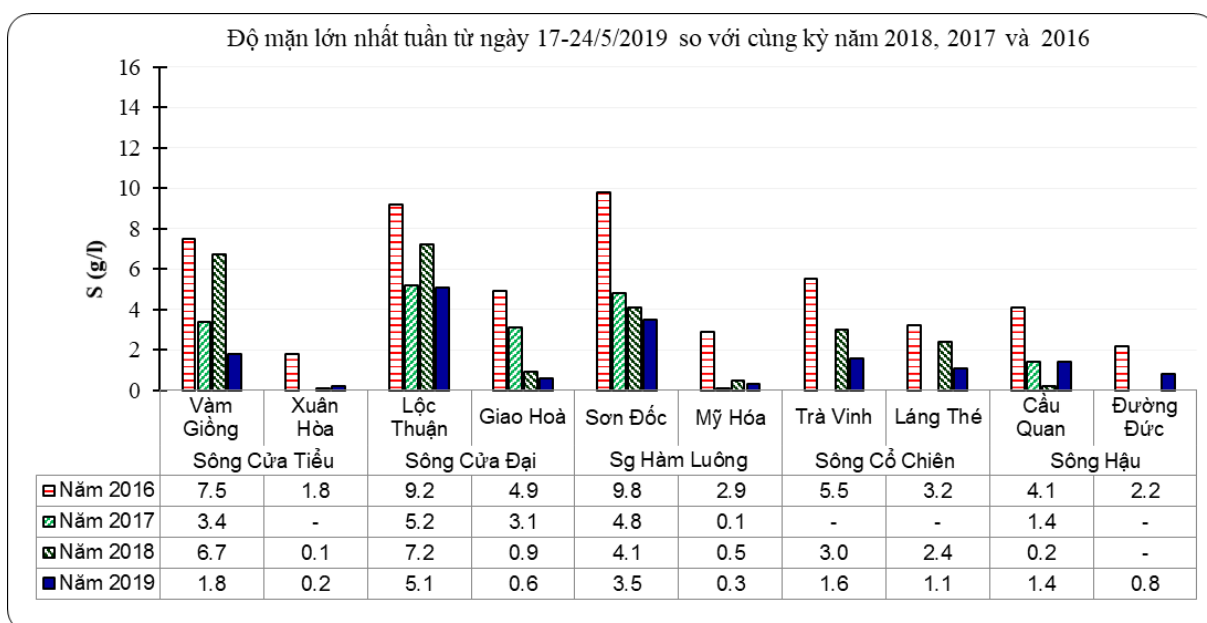
Hình 4. Biểu đồ nồng độ mặn lớn nhất trong tuần từ (17/5-24/5/2019) tại một số trạm điển hình vùng Hai sông Vàm Cỏ so với cùng kỳ năm 2018 và một số năm gần đây

2.2. Vùng cửa sông Cửu Long

Hiện trạng xâm nhập mặn vùng cửa sông Cửu Long trong tuần từ (17/5-24/5/2019), độ mặn xuất hiện lớn nhất so với cùng kỳ (CK) năm 2018 và một số năm gần đây. Trích lược diễn biến độ mặn lớn nhất tại một số trạm chính thuộc vùng cửa sông Cửu Long so với cùng kỳ năm 2018 và năm 2016 (mặn lịch sử) như dưới đây:

- Tại Vàm Giồng, trên sông Cửa Tiểu: độ mặn lớn nhất đạt 1,8g/l so với cùng kỳ năm 2018 (6,7 g/l) thấp hơn 4,9g/l, so với năm 2016 thấp hơn 5,7g/l.
- Tại Xuân Hòa, trên sông Cửa Tiểu: độ mặn lớn nhất đạt 0,2g/l so với cùng kỳ năm 2018 (0,1g/l) cao hơn 0,1g/l, so với năm 2016 thấp hơn 1,6g/l.
- Tại Lộ Thuận, trên sông Cửa Đại: độ mặn lớn nhất đạt 5,1g/l so với cùng kỳ năm 2018 (7,2g/l) thấp hơn 2,1 g/l, so với năm 2016 thấp hơn 4,1g/l.
- Tại Giao Hoà, trên sông Cửa Đại: độ mặn lớn nhất đạt 0,6g/l so với cùng kỳ năm 2018 (0,9g/l) thấp hơn 0,3g/l, so với năm 2016 thấp hơn 4,3g/l.

- Tại Sơn Đốc, trên sông Hàm Luông: độ mặn lớn nhất đạt 3,5g/l so với cùng kỳ năm 2018 (4,1g/l) thấp hơn 0,6g/l, so với năm 2016 thấp hơn 6,3g/l.
- Tại Mỹ Hóa, trên sông Hàm Luông: độ mặn lớn nhất đạt 0,3g/l so với cùng kỳ năm 2018 (0,5g/l) thấp hơn 0,2g/l, so với năm 2016 thấp hơn 2,6g/l.
- Tại Trà Vinh, trên sông Cổ Chiên: độ mặn lớn nhất đạt 1,6g/l so với cùng kỳ năm 2018 (3,0g/l) thấp hơn 1,4g/l, so với năm 2016 thấp hơn 3,9g/l.
- Tại Láng Thέ, trên sông Cổ Chiên: độ mặn lớn nhất đạt 1,1g/l so với cùng kỳ năm 2018 (2,4g/l) thấp hơn 1,3g/l, so với năm 2016 thấp hơn 2,1g/l.
- Tại Cầu Quan, trên sông Hậu: Độ mặn lớn nhất đạt 1,4g/l so với cùng kỳ năm 2018 (0,2g/l) cao hơn 1,2g/l, so với năm 2016 thấp hơn 2,7g/l.
- Tại Đường ĐứC, trên sông Hậu: Độ mặn lớn nhất đạt 0,8g/l so với cùng kỳ năm 2018 (0,0 g/l) cao hơn 0,8g/l, so với năm 2016 thấp hơn 1,4g/l.

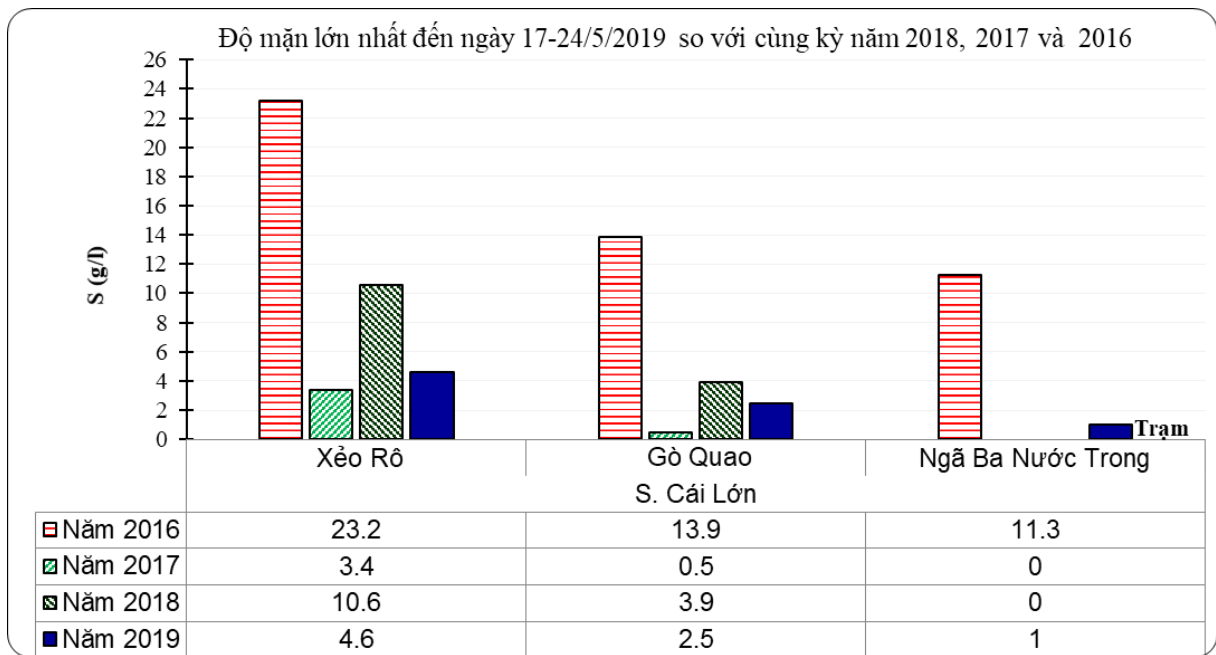


Hình 5. Biểu đồ nồng độ mặn lớn nhất trong tuần từ (17/5-24/5/2019) tại một số trạm điển hình vùng cửa sông Cửu Long so với năm 2018 và một số năm gần đây

2.3. Vùng ven biển Tây

Hiện trạng xâm nhập mặn vùng ven biển Tây, trên sông Cái Lớn từ trong tuần từ (17/5-24/5/2019), độ mặn xuất hiện lớn nhất so với cùng kỳ năm 2018 và một số năm gần đây (xem hình 6). Trích lược diễn biến độ mặn lớn nhất tại một số trạm điển hình so với cùng kỳ năm 2018 và năm 2016 (mặn lịch sử) như dưới đây:

- Tại Xẻo Rô, trên sông Cái Lớn: độ mặn lớn nhất đạt 4,6g/l so với cùng kỳ năm 2018 (10,6g/l) thấp hơn 6 g/l, so với năm 2016 thấp hơn 20,8g/l.
- Tại Gò Quao, trên sông Cái Lớn: độ mặn lớn nhất đạt 2,5g/l so với cùng kỳ năm 2018 (3,9g/l) thấp hơn 1,4 g/l, so với năm 2016 thấp hơn 11,4g/l.
- Tại Ngã Ba Nước Trong (thuộc tỉnh Hậu Giang): độ mặn lớn nhất đạt 1,0/l so với cùng kỳ năm 2018 (0,2g/l) cao hơn 1,0 g/l, so với năm 2016 thấp hơn 10,3g/l.



Hình 6. Biểu đồ nồng độ mặn lớn nhất trong tuần từ (17/5-24/5/2019) tại một số trạm điển hình trên sông Cái Lớn so với cùng kỳ năm 2018 và một số năm gần đây

2.4. Đánh giá chung về hiện trạng mặn nhập trong tuần từ (17/5-24/5/2019)

Chiều sâu xâm nhập mặn lớn nhất với ranh mặn 4g/l trong tuần (17/5-24/5/2019) ở phạm vi từ 18-42km (tùy cửa sông), mặn xâm nhập trên các cửa sông biến động theo triều nhưng đang có xu thế giảm mạnh, ít có khả năng xảy ra nguy hiểm với hiện trạng hạ tầng công trình kiểm soát mặn trên Đồng bằng, cụ thể như sau:

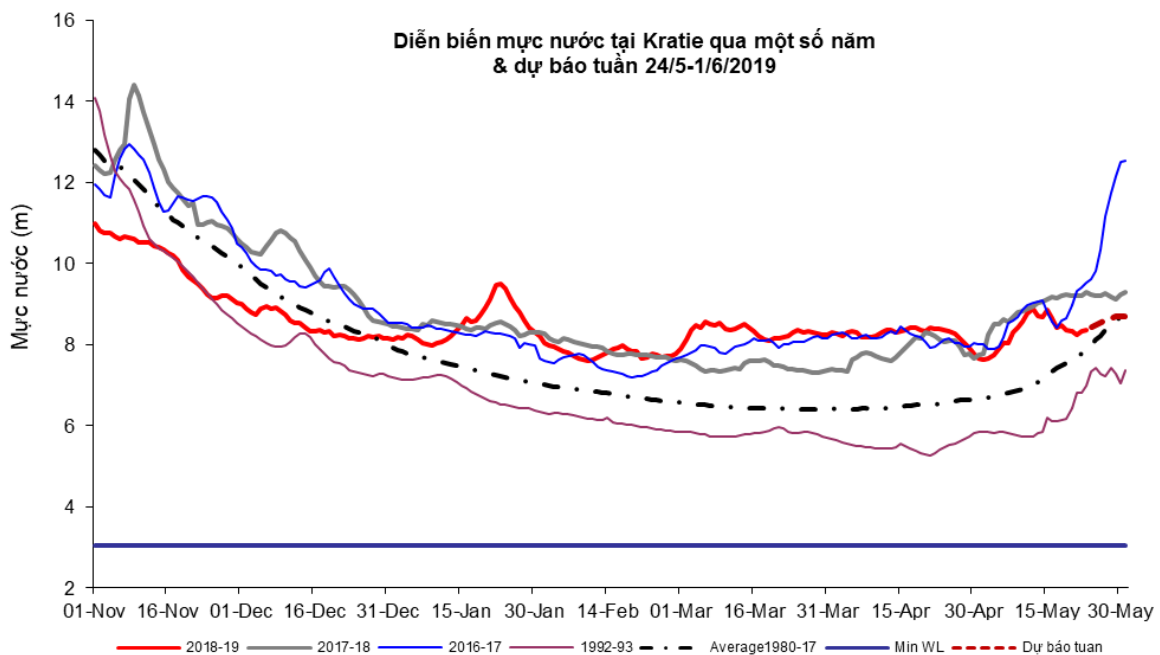
- Khu vực sông Vàm Cỏ: Chiều sâu xâm nhập mặn lớn nhất (ranh 4g/l) trong tuần khoảng 39-42km giảm so với tuần trước 8-10km, so với cùng thời kỳ năm 2017-2018 sâu hơn 3-5 km, thấp hơn gần 58-63km so với mùa khô năm 2016.
- Khu vực cửa sông Cừ Long: Chiều sâu mặn xâm nhập lớn (ranh 4g/l) trong tuần khoảng 18-22 km, giảm 5-7 km so với tuần trước, so với cùng thời kỳ năm 2017-2018 thấp hơn từ 1 đến 4 km và so mùa khô năm 2015-2016 thấp hơn từ 8 – 13km.
- Khu vực ven biển Tây, trên sông Cái Lớn: Chiều sâu xâm nhập mặn lớn nhất trong tuần khoảng 22 km, giảm 8 km so với tuần trước, so với cùng thời kỳ mùa khô năm 2017-2018 cao hơn 2km, thấp hơn khoảng 36km so với cùng thời kỳ mùa khô năm 2015-2016.

3. DỰ BÁO TIỀM NĂNG NGUỒN NƯỚC MÙA KHÔ THÁNG 5 NĂM 2019 VỀ ĐBSCL, DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC 3 VÙNG

Theo dự báo của Trung tâm Khí tượng Thủy văn Quốc gia, xu thế khí tượng thủy văn đến tháng 10, ảnh hưởng của El Nino yếu và không kéo dài, nhiệt độ trung bình ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn từ 0,5 đến 1,0 độ C so với trung bình nhiều năm cùng thời kỳ. Trong tháng 5 nhiệt độ bình quân cao hơn 1 đến 1,5 độ C so với cùng thời kỳ. Tổng lượng mưa trong tháng 5 phổ biến thấp hơn TBNN cùng thời kỳ từ 10-30%. Từ tháng 6-10/2019, tổng lượng mưa ở mức xấp xỉ so với TBNN cùng thời kỳ. Thời điểm bắt đầu mùa mưa có khả năng muộn hơn so với TBNN (nửa cuối tháng 5). Trong tuần dự báo từ 24/5 đến 31/5 chiều tối có mưa rào và dông rải rác, ngày nắng.

Tiềm năng nguồn nước mùa khô năm 2019 cho vùng Đồng bằng sông Cừ Long

tính đến thời điểm hiện nay gần 5000 m³/s. Dự báo trong tuần tiếp theo nguồn nước về có khả năng ở mức trên 5.000 m³/s, thấp hơn cùng thời kỳ mùa khô năm 2017.



Hình 7: Diễn biến nước về qua trạm Kratie và dự báo tuần từ ngày 24/5/2019

Với đặc điểm nguồn nước như hiện nay, dưới đây là dự báo nguồn nước cho 3 vùng Đồng bằng sông Cửu Long:

- Vùng thượng ĐBSCL, bao gồm phần đất tỉnh An Giang, Đồng Tháp, thượng nguồn Long An, Kiên Giang và TP. Cần Thơ được xem là thuận lợi về nguồn nước so với các vùng khác trên đồng bằng. Dự báo tháng 5/2019, mực nước lớn nhất bình quân ở mức tương đương cùng thời kỳ tuần trăng ở 2018, do ảnh hưởng nền nhiệt độ cao, nhu cầu nước tăng.

- Vùng giữa ĐBSCL, bao gồm phần đất thuộc TP. Cần Thơ, tỉnh Tiền Giang, Long An, Kiên Giang, Hậu Giang, Đồng Tháp, tỉnh Vĩnh Long và vùng được kiểm soát mặn ở Bạc Liêu, Sóc Trăng, Trà Vinh, Bến Tre. Các vùng cặp Sông Tiền và Sông Hậu có thể bị ảnh hưởng bởi triều cường trong tháng 5/2019. Xâm nhập mặn giảm do bổ sung đáng kể dòng chảy từ mưa trên đồng bằng. Mặn bất thường có thể xảy ra trên phía sông Vàm Cỏ do thời tiết nắng nóng và gia tăng lấy nước ở vùng Đồng Tháp Mười.

- Vùng ven biển ĐBSCL: bao gồm ven biển các tỉnh ven biển ĐBSCL (Long An, Bến Tre, Trà Vinh, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau và tỉnh Kiên Giang) trong tháng 1 và 2 mặn có sâu hơn 5-10km so với 2017-2018. Tháng 5 mưa về muộn, trong tuần dự báo có bổ sung đáng kể dòng chảy từ mưa nên xâm nhập mặn các cửa sông ven biển giảm, tuy nhiên vẫn tiếp tục cần tăng cường công tác giám sát mặn và cần cập các bản tin dự báo thường xuyên, và chủ động tích trữ nước.

4. KHUYẾN NGHỊ SẢN XUẤT VÀ QUẢN LÝ NƯỚC VỤ ĐÔNG XUÂN VÀ HÈ THU 2019

Từ kết quả dự báo tiềm năng nguồn nước về Đồng bằng, dưới đây là một số khuyến cáo cho từng vùng:

- Vùng thượng ĐBSCL: nguồn nước đến hiện tại được xem là đảm bảo cho sản

xuất nông nghiệp, cần chủ động điều tiết nước và bơm tát đảm bảo an toàn cho sản xuất vụ Hè Thu.

- Vùng giữa ĐBSCL: nguồn nước đến hiện tại được xem là đảm bảo nhưng cần đề phòng ảnh hưởng mặn bất thường do triều cường; khi lấy ngọt hoặc tưới cho cây trồng cần kiểm tra chặt chẽ độ mặn, nhất là đối với cây ăn quả, vùng giáp ranh với mặn cần theo dõi chặt chẽ chất lượng nước.

- Vùng ven biển ĐBSCL: Trong tháng 5 xâm nhập mặn trên các cửa sông các khu vực từ 30 km trở vào, nguồn nước có khả năng thuận lợi, mặn xâm nhập có xu thế giảm so với Tháng 4 nhưng cần thận trọng vào những thời kỳ triều cường.

5. KẾT LUẬN - KIẾN NGHỊ

Với các diễn biến dòng chảy cập nhật về đồng bằng đến hiện nay, dòng chảy cao có sự điều tiết của thủy điện, nền nhiệt độ giảm, mưa đã xuất hiện, dự báo diễn biến xâm nhập mặn trong Tháng 5 khả năng có giảm gay gắt nhưng cần thận trọng nhất là các đợt triều cường kết hợp gió chướng độ mặn có thể tăng cao đột ngột hơn so với dự báo.

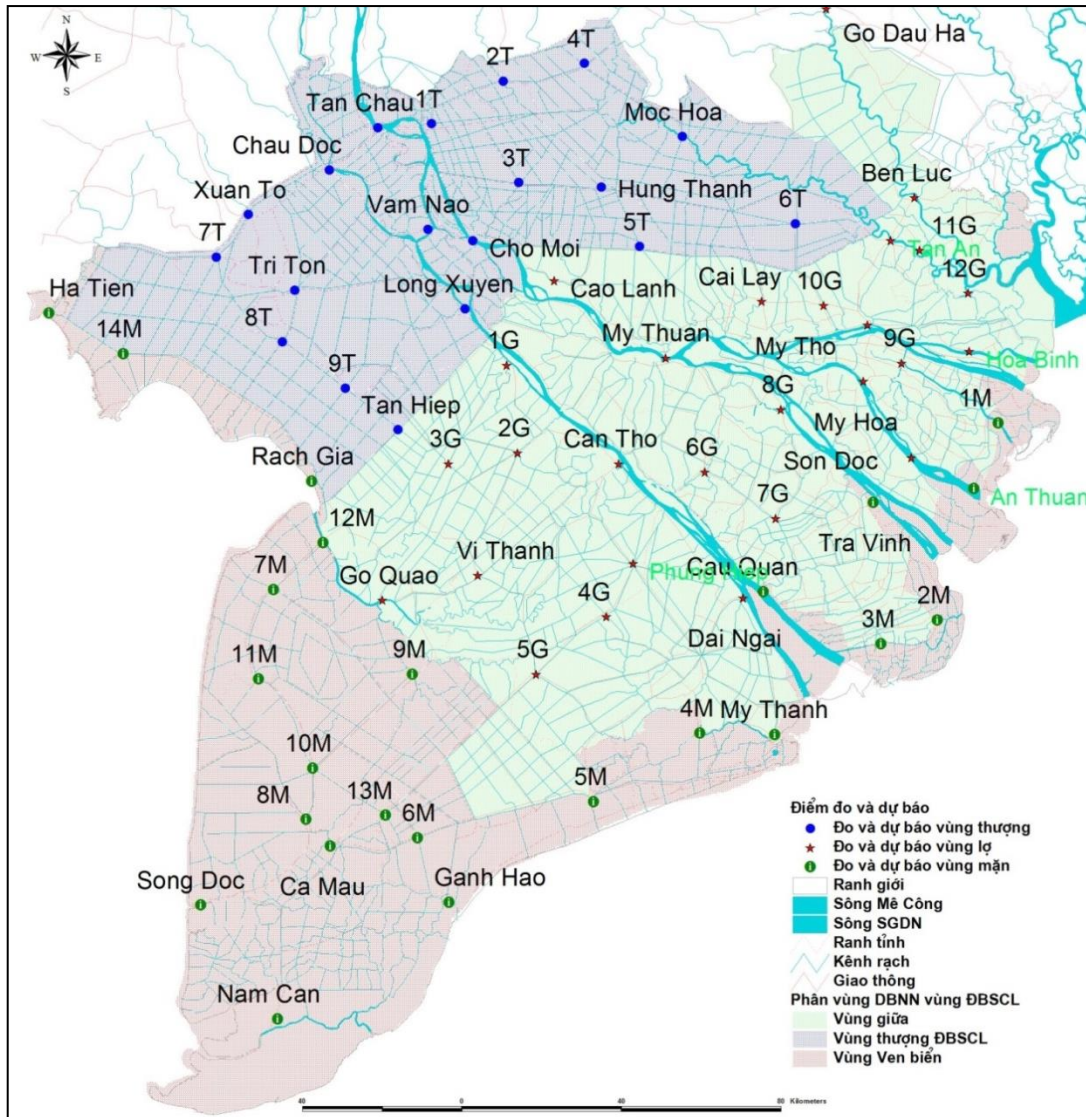
Việc giám xả nước từ Thủy điện Cảnh Hồng ảnh hưởng đến ĐBSCL đã kết thúc trong tuần dự báo, tuy nhiên để đề phòng các rủi ro do hạn, mặn gây ra, các địa phương cần có kế hoạch chủ động sản xuất, bố trí mùa vụ, vận hành hệ thống công trình hợp lý. Tăng cường công tác giám sát mặn, cập nhật các bản tin dự báo thường xuyên để điều chỉnh kế hoạch phù hợp với các diễn biến nguồn nước.

VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI MIỀN NAM

Ghi chú :

- Việc dự báo nguồn nước mùa khô đang được thực hiện tại Viện Khoa học Thủy lợi miền Nam theo sự phân công của Bộ. Bản tin dự báo sẽ được tiếp tục cập nhật các tuần kế tiếp và được đăng trên Website: <http://www.siwrr.org.vn>
- Ngoài ra để phục vụ kịp thời cho sản xuất, kính đề nghị các địa phương có các thông tin về tình hình xâm nhập mặn, nguồn nước, sản xuất hoặc có yêu cầu khác xin gửi về Viện theo email: vkhtlmn@gmail.com; dbnn.dbscl19@gmail.com và tncnbvmt@gmail.com./.

Phụ lục 1: Vị trí các điểm dự báo mực nước



Phụ lục 2: Dự báo mực nước lớn nhất các vùng

STT	Trạm	24/05	Ngày dự báo						
			25/05	26/05	27/05	28/05	29/05	30/05	31/05
I. Vùng Thượng đồng bằng									
1	2T	0.91	0.88	0.88	0.84	0.79	0.79	0.79	0.82
2	3T	0.84	0.82	0.75	0.73	0.70	0.67	0.72	0.79
3	4T	0.75	0.73	0.70	0.64	0.56	0.49	0.44	0.47
4	5T	0.35	0.28	0.21	0.16	0.12	0.10	0.17	0.25
5	6T	0.52	0.45	0.38	0.31	0.24	0.21	0.25	0.30
6	7T	0.24	0.20	0.17	0.15	0.16	0.20	0.24	0.28
7	8T	0.31	0.28	0.23	0.18	0.14	0.14	0.19	0.23
8	9T	0.30	0.28	0.23	0.16	0.12	0.13	0.18	0.22
9	Châu Đốc	1.15	1.09	1.11	1.11	1.06	1.15	1.21	1.22
10	Hung Thạnh	0.67	0.63	0.56	0.48	0.41	0.35	0.40	0.46
11	Long Xuyên	1.10	1.06	1.04	1.05	1.02	1.08	1.15	1.22
12	Mộc hóa	0.40	0.35	0.31	0.23	0.15	0.12	0.14	0.17
13	Tân Châu	1.07	1.03	1.05	1.03	1.02	1.08	1.14	1.16

STT	Trạm	24/05	Ngày dự báo						
			25/05	26/05	27/05	28/05	29/05	30/05	31/05
14	Tân Hiệp	0.29	0.27	0.23	0.14	0.09	0.11	0.16	0.21
15	Tri Tôn	0.33	0.30	0.25	0.20	0.16	0.16	0.21	0.25
16	Vàm Nao	1.00	1.00	0.94	0.98	0.99	0.99	1.04	1.12
17	Xuân Tô	0.26	0.22	0.19	0.17	0.18	0.22	0.26	0.30
II. Vùng Giữa đồng bằng									
1	10G	0.65	0.58	0.58	0.57	0.56	0.62	0.68	0.69
2	1G	0.90	0.87	0.84	0.86	0.83	0.88	0.96	1.02
3	2G	0.80	0.77	0.74	0.76	0.73	0.78	0.86	0.92
4	4G	0.60	0.52	0.58	0.57	0.56	0.63	0.69	0.73
5	5G	0.58	0.50	0.56	0.55	0.54	0.61	0.67	0.71
6	8G	0.85	0.73	0.73	0.69	0.67	0.76	0.83	0.88
7	9G	0.82	0.76	0.74	0.71	0.73	0.79	0.83	0.92
8	Bến Lức	0.80	0.66	0.61	0.59	0.57	0.59	0.65	0.70
9	Cần Thơ	0.70	0.67	0.64	0.66	0.63	0.67	0.76	0.82
10	Cao Lãnh	0.88	0.87	0.80	0.81	0.79	0.81	0.86	0.98
11	Gò Dầu Hạ	0.47	0.37	0.40	0.34	0.26	0.23	0.24	0.28
12	Vàm Kênh	0.74	0.68	0.62	0.62	0.63	0.70	0.76	0.79
13	Mỹ Hoà	0.84	0.71	0.72	0.67	0.67	0.76	0.80	0.86
14	Mỹ Tho	0.79	0.80	0.75	0.74	0.78	0.81	0.85	0.98
15	Mỹ Thuận	0.85	0.75	0.73	0.71	0.67	0.76	0.85	0.90
16	Phụng Hiệp	0.62	0.54	0.60	0.59	0.58	0.65	0.71	0.75
17	Tân An	0.79	0.73	0.66	0.64	0.60	0.62	0.69	0.76
18	Vị Thanh	0.47	0.44	0.40	0.36	0.32	0.31	0.35	0.40
III. Vùng ven biển									
1	10M	0.47	0.40	0.37	0.30	0.28	0.30	0.36	0.42
2	12M	0.46	0.44	0.40	0.35	0.31	0.27	0.23	0.30
3	13M	0.49	0.42	0.39	0.32	0.30	0.32	0.38	0.44
4	6M	0.44	0.37	0.34	0.27	0.25	0.27	0.33	0.39
5	7M	0.45	0.43	0.39	0.34	0.30	0.26	0.22	0.29
6	8M	0.46	0.39	0.36	0.29	0.27	0.29	0.35	0.41
7	9M	0.42	0.35	0.32	0.25	0.23	0.25	0.31	0.37
8	Cà Mau	0.48	0.41	0.38	0.31	0.29	0.31	0.37	0.43
9	Rạch Giá	0.32	0.25	0.23	0.16	0.08	0.06	0.09	0.14